



RESULT BRACKETS

R. Round Rank/Score	NOC	Name	Semifinals	Finals
1/ 1216	TPC	臺北市 王心嵐 徐瑞仁	臺北市	GOLD 臺中市
	-Bye-		138	
3/ 1207	TCC	臺中市 李昀嫻 陳新曜	臺中市	SILVER 臺北市
2/ 1207	TYH	桃園市 謝美雲 張志強	142	
		119		

T# 6	29-11-2020 12:00	BRONZE
桃園市		-
T# 7		

Final Rank
1 TCC 臺中市
2 TPC 臺北市



RESULTS SUMMARY

Rank	NOC		Name
	TYH	桃園市	謝美雲 張志強
1	TCC	臺中市	李昀嫻 陳新曜
2	TPC	臺北市	王心嵐 徐瑞仁